

**HỒ SƠ BÀN GIAO SÁP NHẬP**  
**GIỮA**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG**  
**VÀ**  
**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẢO NINH**

STT	DANH MỤC	PHỤ LỤC
1	Biên bản bàn giao	
1	Bảng cân đối kế toán tại ngày 06/05/2021	PL01
2	Tiền và các khoản tương đương tiền	PL02
3	Các khoản phải thu	PL03
4	Hàng tồn kho	PL04
5	Tài sản cố định	PL05
6	Công cụ dụng cụ	PL06
7	Danh mục Hợp đồng	PL07
8	Danh sách lao động và phương án sử dụng	PL08
9	Các khoản phải trả và phương án xử lý nợ	PL09

\*\*\*\*\*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

\*\*\*\*\*

**BIÊN BẢN BÀN GIAO**

- Căn cứ Hợp đồng sáp nhập Doanh nghiệp số 01/2021/HĐSN/MKG-BN ký ngày 29 tháng 04 năm 2021 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Bảo Ninh

Hôm nay, ngày 06 tháng 5 năm 2021, chúng tôi gồm có:

**BÊN NHẬN SÁP NHẬP (BÊN A): CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG**

Mã số doanh nghiệp: 0101311837

Địa chỉ trụ sở công ty: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, T.p Hà Nội, Việt Nam

Đại diện bởi: Ông Đặng Minh Huệ

Chức danh: Tổng Giám đốc

**BÊN BỊ SÁP NHẬP (BÊN B): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẢO NINH**

Mã số doanh nghiệp: 3101085414

Địa chỉ trụ sở công ty: Số 168 Trần Hưng Đạo, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, Việt Nam.

Đại diện bởi: Ông Kiều Xuân Nam

Chức danh: Chủ tịch Công ty

Bên B bàn giao và bên A đồng ý nhận bàn giao các nội dung cụ thể như sau:

- I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI THỜI ĐIỂM NGÀY 06/05/2021 (Phụ lục 01 kèm theo)
- II. DANH MỤC TÀI SẢN TẠI THỜI ĐIỂM NGÀY 06/05/2021



STT	TÀI SẢN	GIÁ TRỊ	GHI CHÚ
<b>A</b>	<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>	<b>205.180.971.810</b>	<b>PL.02</b>
1	Tiền mặt tại quỹ	17.971.630	
2	Tiền gửi Ngân hàng	21.082.380	
3	Tiền gửi có kỳ hạn	205.141.917.800	
<b>B</b>	<b>CÁC KHOẢN PHẢI THU</b>	<b>29.560.907.906</b>	<b>PL.03</b>
1	Trả trước cho người bán	25.575.448.009	
2	Tạm ứng	1.729.256.037	
3	Phải thu ngắn hạn khác	2.235.203.860	
4	Phải thu dài hạn khác	21.000.000	
<b>C</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>	<b>5.464.706.374</b>	
1	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	5.464.706.374	
<b>D</b>	<b>HÀNG TỒN KHO</b>	<b>220.351.836.103</b>	<b>PL.04</b>
1	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	220.351.836.103	
<b>E</b>	<b>TÀI SẢN CỐ ĐỊNH</b>	<b>922.706.636</b>	<b>PL.05</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	922.706.636	
<b>F</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC</b>	<b>80.673.227</b>	<b>PL.06</b>
2	Chi phí trả trước dài hạn	80.673.227	
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>461.561.802.056</b>	

III. DANH MỤC HỢP ĐỒNG (Phụ lục 07 kèm theo)

IV. BẢN SAO ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP LẦN ĐẦU NGÀY 05/05/2020 VÀ THAY ĐỔI LẦN 1 NGÀY 03/11/2021

V. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG NGƯỜI LAO ĐỘNG CỦA BÊN B  
(Phụ lục 08 kèm theo)

VI. DANH SÁCH NỢ PHẢI TRẢ VÀ PHƯƠNG ÁN GIẢI QUYẾT CÁC KHOẢN NỢ

STT	NỢ PHẢI TRẢ	GIÁ TRỊ	GHI CHÚ
1	Phải trả người bán	1.149.961.485	PL.09
2	Phải trả khác	32.518.920.915	PL.09
3	Vay dài hạn	156.461.665.511	PL.09
	<b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>190.130.547.911</b>	

VII. DỮ LIỆU PHẦN MỀM KẾ TOÁN VÀ SỔ SÁCH, CHỨNG TỪ

VIII. BÁO CÁO THUẾ

1. Tờ khai quyết toán thuế TNDN:

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2020
- Tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 20210 (từ 01/01/2021 đến 06/05/2021)

2. Tờ khai quyết toán thuế TNCN:

- Tờ khai quyết toán thuế TNCN năm 2020

3. Tờ khai Thuế GTGT:

- Tờ khai Thuế GTGT Quý 2, 3 và 4 năm 2020
- Tờ khai Thuế GTGT Quý 1 năm 20210 và Quý 2 năm 2021 (từ 01/04/2021 đến 06/05/2021)

4. Tờ khai Thuế TNCN

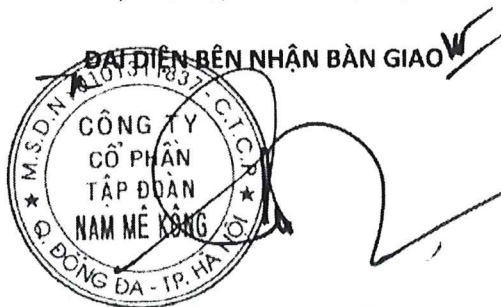
- Tờ khai Thuế TNCN Quý 2, 3 và 4 năm 2020
- Tờ khai Thuế TNCN Quý 1 năm 20210 và Quý 2 năm 2021 (từ 01/04/2021 đến 06/05/2021)

5. Bảng kê chứng từ thuế TNCN

- Báo cáo chứng từ khấu trừ thuế TNCN Quý 2, 3 và 4 năm 2020
- Báo cáo chứng từ khấu trừ thuế TNCN Quý 1 năm 20210 và Quý 2 năm 2021 (từ 01/04/2021 đến 06/05/2021)



Biên bản này được lập thành 04 (bốn) bản và có hiệu lực kể từ ngày ký.



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Dặng Minh Huệ*



CHỦ TỊCH CÔNG TY  
*Kiên Xuân Nam*

**PHỤ LỤC 01: BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 06 tháng 05 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>460.537.422.193</b>	<b>430.381.968.902</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>39.054.010</b>	<b>8.006.323.163</b>
1. Tiền	111	39.054.010	8.006.323.163
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>205.141.917.800</b>	<b>200.000.000.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	205.141.917.800	200.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>29.539.907.906</b>	<b>56.114.133.007</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	-	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	25.575.448.009	51.568.763.786
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	3.964.459.897	4.545.369.221
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>220.351.836.103</b>	<b>165.618.151.857</b>
1. Hàng tồn kho	141	220.351.836.103	165.618.151.857
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>5.464.706.374</b>	<b>643.360.875</b>
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	5.464.706.374	643.360.875
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>1.024.379.863</b>	<b>1.175.602.023</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>21.000.000</b>	<b>21.000.000</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	21.000.000	21.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>922.706.636</b>	<b>1.050.100.512</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	922.706.636	1.050.100.512
- Nguyên giá	222	1.146.544.909	1.146.544.909
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(223.838.273)	(96.444.397)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>80.673.227</b>	<b>104.501.511</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	80.673.227	104.501.511
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>	<b>461.561.802.056</b>	<b>431.557.570.925</b>

**PHỤ LỤC 01: BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 06 tháng 05 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>192.506.820.218</b>	<b>163.494.515.337</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>36.045.154.707</b>	<b>32.492.811.496</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	1.149.961.485	110.039.134
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	278.984.425	45.224.863
4. Phải trả người lao động	314	432.145.000	766.456.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	1.665.142.882	232.984.799
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	32.518.920.915	31.338.106.700
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>156.461.665.511</b>	<b>131.001.703.841</b>
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	156.461.665.511	131.001.703.841
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>269.054.981.838</b>	<b>268.063.055.588</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>269.054.981.838</b>	<b>268.063.055.588</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	268.000.000.000	268.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	268.000.000.000	268.000.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1.054.981.838	63.055.588
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	63.055.588	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	991.926.250	63.055.588
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>	<b>461.561.802.056</b>	<b>431.557.570.925</b>

Lập, ngày 29 tháng 04 năm 2021

Người lập biểu

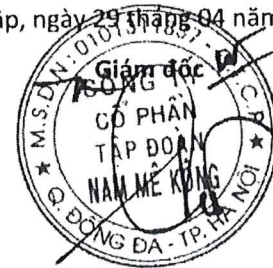


Kiều Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Phan Tạ Thanh Huyền



Đặng Minh Huệ

## PHỤ LỤC 02: TIỀN MẶT VÀ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Tại thời điểm 06 tháng 05 năm 2021

(Kèm theo Biên bản bàn giao ngày 06 tháng 05 năm 2021)

Đơn vị tính: VND

STT	KHOẢN MỤC	SỐ TÀI KHOẢN	SỐ DƯ TẠI 06/05/2021	GHI CHÚ
<b>A</b>	<b>TIỀN MẶT TẠI QUỸ</b>		<b>17.971.630</b>	
<b>B</b>	<b>TIỀN GỬI NGÂN HÀNG</b>		<b>21.082.380</b>	
1	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Sở Giao dịch	19055223366333	8.763.732	
2	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Sở Giao dịch	19055223366222	968.409	
3	Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội	1221020725686	11.350.239	
<b>C</b>	<b>TIỀN GỬI TIẾT KIỆM CÓ KỲ HẠN</b>		<b>205.141.917.800</b>	
1	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam <sup>(1)</sup>		205.141.917.800	
1.1	Hợp đồng số 2307-01/TGKH/TCB-BAONINH/2020		10.257.095.890	
1.2	Hợp đồng số 2307-02/TGKH/TCB-BAONINH/2020		10.257.095.890	
1.3	Hợp đồng số 2307-03/TGKH/TCB-BAONINH/2020		10.257.095.890	
1.4	Hợp đồng số 2307-04/TGKH/TCB-BAONINH/2020		10.257.095.890	
1.5	Hợp đồng số 2307-05/TGKH/TCB-BAONINH/2020		10.257.095.890	
1.6	Hợp đồng số 2307-06/TGKH/TCB-BAONINH/2020		10.257.095.890	
1.7	Hợp đồng số 2307-07/TGKH/TCB-BAONINH/2020		10.257.095.890	
1.8	Hợp đồng số 2307-08/TGKH/TCB-BAONINH/2020		10.257.095.890	
1.9	Hợp đồng số 2307-09/TGKH/TCB-BAONINH/2020		10.257.095.890	
1.10	Hợp đồng số 2307-10/TGKH/TCB-BAONINH/2020		10.257.095.890	
1.11	Hợp đồng số 2307-11/TGKH/TCB-BAONINH/2020		10.257.095.890	
1.12	Hợp đồng số 2307-12/TGKH/TCB-BAONINH/2020		10.257.095.890	
1.13	Hợp đồng số 2307-13/TGKH/TCB-BAONINH/2020		10.257.095.890	
1.14	Hợp đồng số 2307-14/TGKH/TCB-BAONINH/2020		10.257.095.890	
1.15	Hợp đồng số 2307-15/TGKH/TCB-BAONINH/2020		10.257.095.890	
1.16	Hợp đồng số 2307-16/TGKH/TCB-BAONINH/2020		10.257.095.890	
1.17	Hợp đồng số 2307-17/TGKH/TCB-BAONINH/2020		10.257.095.890	
1.18	Hợp đồng số 2307-18/TGKH/TCB-BAONINH/2020		10.257.095.890	
1.19	Hợp đồng số 2307-19/TGKH/TCB-BAONINH/2020		10.257.095.890	
1.20	Hợp đồng số 2307-20/TGKH/TCB-BAONINH/2020		10.257.095.890	
	<b>CỘNG</b>		<b>205.180.971.810</b>	

<sup>(1)</sup> Các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn này đang cầm cố tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam theo Hợp đồng cầm cố thế chấp số MMD202013114217/HGCC ngày 03/08/2020 cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số MMD202013103307/HDTD ngày 22/07/2020.

BÊN BÀN GIAO



TỔNG GIÁM ĐỐC

Dũng Minh Huệ

### PHỤ LỤC 03: CÁC KHOẢN PHẢI THU

Tại thời điểm 06 tháng 05 năm 2021  
(Kèm theo Biên bản bàn giao ngày 06 tháng 05 năm 2021)

Đơn vị tính: VND

STT	CÔNG NỢ - ĐỐI TƯỢNG	SỐ DƯ TẠI 06/05/2021	GHI CHÚ
A	<b>PHẢI THU KHÁCH HÀNG</b>	-	TK 131
B	<b>TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN</b>	<b>25.575.448.009</b>	Dư Nợ TK 331
1	Công ty CP A+ Interior	80.660.000	
2	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương Mại Vie	165.000.000	
3	Công ty CP Đầu tư & Phát triển Thiên Hà Xanh	22.511.060.000	
4	Công ty CP Kiến trúc Phong cảnh Việt Nam	16.000.000	
5	Công ty CP Cấp nước Quảng Bình	26.018.000	
6	TT Phát triển Quỹ đất - Sở TN&MT Quảng Bình	40.000.000	
7	Công ty CP Đầu tư XD và Phát triển Công nghệ VINA A1	2.548.111.409	
8	Công ty CP TEXO Tư vấn và Đầu Tư	188.598.600	
C	<b>TẠM ỨNG</b>	<b>1.729.256.037</b>	TK 141
1	Đặng Minh Huệ	200.000.000	
2	Trần Văn Trúc	123.000.000	
3	Phạm Xuân Ưởng	700.000.000	
4	Nguyễn Hoàng	550.000.000	
5	Đỗ Trường Giang	6.000.000	
6	Cao Thái Tân	150.196.037	
7	Bùi Thanh Đông	60.000	
D	<b>PHẢI THU KHÁC</b>	<b>2.235.203.860</b>	TK 138
1	Dự thu lãi Tiền gửi có kỳ hạn đến 29/04/2021	2.235.203.860	
E	<b>PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC</b>	<b>21.000.000</b>	TK 244
1	TCT Điện lực Miền Trung	21.000.000	
	<b>CỘNG</b>	<b>29.560.907.906</b>	

BÊN BÀN GIAO



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Đặng Minh Huệ

## PHỤ LỤC 04: HÀNG TỒN KHO

Tại thời điểm 06 tháng 05 năm 2021

(Kèm theo Biên bản bàn giao ngày 06 tháng 05 năm 2021)

Đơn vị tính: VND

STT	KHOẢN MỤC	SỐ DƯ TẠI 06/05/2021	GHI CHÚ
A	NGUYÊN VẬT LIỆU	-	TK 152
B	CÔNG CỤ DỤNG CỤ	-	TK 153
C	CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỜ DANG	220.351.836.103	TK 154
I	CHI PHÍ DỰ ÁN "KHU ĐÔ THỊ BẢO NINH 2"	220.351.836.103	
1	Chi phí Hạ tầng kỹ thuật	215.936.852.347	
2	Chi phí Khu thấp tầng	557.441.463	
3	Chi phí Khu cao tầng	2.071.709.091	
4	Chi phí Khu Thương mại - Dịch vụ	237.272.727	
5	Chi phí bán hàng	1.548.560.475	
D	THÀNH PHẨM	-	TK 155
E	HÀNG HÓA	-	TK 156
	<b>CỘNG</b>	<b>220.351.836.103</b>	



BÊN BÀN GIAO

CHỦ TỊCH CÔNG TY

Kiều Xuân Nam



BÊN NHẬN BÀN GIAO

TỔNG GIÁM ĐỐC

Dũng Minh Huệ



## PHỤ LỤC 04: TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

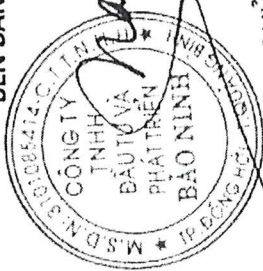
Tại thời điểm 06 tháng 05 năm 2021

(Kèm theo Biên bản bàn giao ngày 06 tháng 05 năm 2021)

Đơn vị tính: VND

STT	TÊN TÀI SẢN	NGÀY TĂNG	NGÀY TÍNH KH	SỐ KỶ KH	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ KH LỖY KẾ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	GHI CHÚ
I	Phương tiện vận tải				1.114.181.273	216.646.353	897.534.920	
1	Xe ô tô Vinfast LuxSA 2.0 BKS: 73A-179.36	01/10/2020	01/10/2020	36	1.114.181.273	216.646.353	897.534.920	
II	Thiết bị quản lý				32.363.636	7.191.920	25.171.716	
1	Macbook Pro 13	01/09/2020	01/09/2020	36	32.363.636	7.191.920	25.171.716	
	<b>CỘNG</b>				<b>1.146.544.909</b>	<b>223.838.273</b>	<b>922.706.636</b>	

BÊN BÁN GIAO



*Hiền Xuân Nam*  
 CHỦ TỊCH CÔNG TY



*Dặng Minh Huệ*  
 TỔNG GIÁM ĐỐC

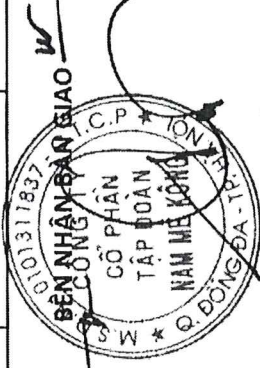
## PHỤ LỤC 05: TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tại thời điểm 06 tháng 05 năm 2021

(Kèm theo Biên bản bàn giao ngày 06 tháng 05 năm 2021)

Đơn vị tính: VND

STT	TÊN TÀI SẢN	NGÀY TĂNG	NGÀY TÍNH KH	SỐ KỶ KH	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ KH LŨY KẾ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	GHI CHÚ
I	Phương tiện vận tải							
1	Xe ô tô Vinfast LuxSA 2.0 BKS: 73A-179.36	01/10/2020	01/10/2020	36	1.114.181.273	216.646.353	897.534.920	
II	Thiết bị quản lý							
1	Macbook Pro 13	01/09/2020	01/09/2020	36	32.363.636	7.191.920	25.171.716	
	<b>CỘNG</b>				<b>1.146.544.909</b>	<b>223.838.273</b>	<b>922.706.636</b>	



TỔNG GIÁM ĐỐC

*Dương Minh Huệ*

CHỦ TỊCH CÔNG TY

*Hiệu Quân Nam*

## PHỤ LỤC 06: CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Tại thời điểm 06 tháng 05 năm 2021  
(Kèm theo Biên bản bàn giao ngày 06 tháng 05 năm 2021)

Đơn vị tính: VND

STT	TÊN TÀI SẢN	NGÀY TẶNG	NGÀY P. BỐ	SỐ KỶ KH	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ PHÂN BỐ LŨY KẾ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	GHI CHÚ
1	Bộ máy tính Intel Dual Core G5400	01/06/2020	01/06/2020	48	37.163.635	8.516.662	28.646.973	
2	Xe máy Honda Blade (3 xe)	01/06/2020	01/06/2020	18	49.090.908	30.000.003	19.090.905	
3	Xe máy Honda Blade (2 xe)	01/08/2020	01/08/2020	18	32.727.272	16.363.638	16.363.634	
4	Điều hòa VP Công ty	01/07/2020	01/07/2020	36	22.945.455	6.373.740	16.571.715	
	<b>CỘNG</b>				<b>141.927.270</b>	<b>61.254.043</b>	<b>80.673.227</b>	

  
**BÊN BÀN GIAO**  
  
 CHỦ TỊCH CÔNG TY  
*Nguyễn Văn Nam*

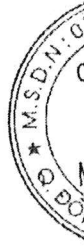
  
**BÊN NHẬN BÀN GIAO**  
  
 TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Đặng Minh Huệ*

**PHỤ LỤC 07: DANH MỤC HỢP ĐỒNG**

Tại thời điểm 06 tháng 05 năm 2021

(Kèm theo Biên bản bàn giao ngày 06 tháng 05 năm 2021)

SIT	SỐ	NGÀY	NỘI DUNG HỢP ĐỒNG	NHÀ THẦU - KHÁCH HÀNG	GHI CHÚ
<b>A</b>	<b>CÁC HỢP ĐỒNG TƯ VẤN - THI CÔNG</b>				
1	05/2020/HĐ-ĐAĐT PL01/2020/PL-ĐAĐT PL02/2020/PL-ĐAĐT	19/05/2020 27/07/2020 06/11/2020	Hợp đồng thực hiện dự án đầu tư	Sở Xây dựng Quảng Bình	
2	02/2020/HĐ-BN-TTPTQĐ	19/05/2020	Tư vấn bồi thường GPMB	TTPT quỹ đất -Sở TN&MT Quảng Bình	
3	18/2020/HĐTV/BN-TECCO2	02/07/2020	Khảo sát địa chất công trình	Công ty CP TVXDCT Giao thông 2	
4	23/2020/HĐTV/BN-EDEN	01/07/2020	Thiết kế ý tưởng, thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán chi tiết HM: Cảnh quan cây xanh dự án	Công ty CP kiến trúc phong cảnh Việt Nam	
	PL01-23/2020/HĐTV/BN-EDEN	01/07/2020			
	PL02-23/2020/HĐTV/BN-EDEN	01/07/2020			
	PL03-23/2020/HĐTV/BN-EDEN	27/10/2020			
5	20/2020/HĐTK/BN-CONSTECH	29/06/2020	Tư vấn thiết kế Concept: Khu thương mại dịch vụ 7 tầng, khu thương mại dịch vụ 3 tầng và cổng chào Dự án	Công ty CPTV và XD Constech Việt Nam	
6	17/2020/HĐTV/BN-VQH	01/07/2020	Thiết kế cơ sở hạ tầng kỹ thuật, khảo sát đo vẽ trắc đạc, trắc ngang tuyến giao thông và cắm mốc ranh giới DA	Viện quy hoạch xây dựng Quảng Bình	
7	15/2020/HĐTV-BN2	06/10/2020	Báo cáo đánh giá tác động môi trường	TT quan trắc tài nguyên môi trường	
8	27/2020/HĐTK/BN-CONSTECH	30/06/2020	Tư vấn lập thiết kế Concept KNO thấp tầng	Công ty CPTV và XD Constech Việt Nam	
9	41/2020/HĐTK/BN-DKL	05/08/2020	Tư vấn thiết kế ý tưởng mặt bằng các tầng và kiến trúc mặt ngoài công trình chung cư cao tầng và thương mại - tại lô đất OHH2	Cty TNHH DK LAUD Việt Nam	
	01PL-41/2020/HĐTK/BN-DKL	05/08/2020			
	02PL-41/2020/HĐTK/BN-DKL	20/10/2020			
10	61/2020/HĐKT/BN-VQH	25/09/2020	Thiết kế đô thị	Viện quy hoạch xây dựng Quảng Bình	
11	72/2020/HĐKT/BN-VQH	12/10/2020	Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình Hạ tầng kỹ thuật (không bao gồm hạng mục cây xanh cảnh quan, mặt nước và cây xanh tuyến phố)	Viện quy hoạch xây dựng Quảng Bình	
12	2809/2020/BN-NH	28/09/2020	Thiết kế hệ thống biển (Pano) cho hàng rào Dự án	Cty TNHH thương mại dịch vụ và quảng cáo Nam Hải	
13	88/2020/HĐTV/BN-TVTL-M.E	11/12/2020	Tư vấn thẩm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	Liên danh CTCP TVTK XDCT Thăng Long và CTCP Đầu tư M.E	
14	01/2021/HĐTV/BN-TEXO	07/01/2021	Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan (không bao gồm hạng mục thi công đường dây 22KV và trạm biến áp)	Cty CP TEXO Tư vấn và Đầu tư	



12/05/2021

STT	SỐ	NGÀY	NỘI DUNG HỢP ĐỒNG	NHÀ THẦU - KHÁCH HÀNG	GHI CHÚ
15	2001/2021/HĐTV/BN-A+	20/01/2021	Tư vấn thiết kế Concept; thiết kế bản vẽ thi công và dự toán chi tiết; thiết kế nội thất công trình "Văn phòng bán hàng và clubhouse"	Công ty CP A+ Interior	
16	07/2021/HĐTV/BN-XL	20/01/2021	Thiết kế ý tưởng, thiết kế bản vẽ thi công nội thất Nhà ở kết hợp thương mại (Khách sạn Mini mẫu B5)	Công ty CP Nội thất XLUXURY Việt nam	
17	74/2021/HĐTK/BN-CDC	26/02/2021	Tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; lập hồ sơ thiết kế cơ sở; lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán chi tiết phần Công trình dịch vụ thương mại (TMDV), nhà ở hỗn hợp cao tầng (OHHZ).	Công ty CP Đầu tư và thiết kế xây dựng Việt Nam (CDC)	
18	73/2021/HĐTK/BN-CDC	26/02/2021	Tư vấn lập hồ sơ thiết kế cơ sở; lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán chi tiết phần Công trình nhà ở thương mại, nhà ở biệt thự.	Công ty CP Đầu tư và thiết kế xây dựng Việt Nam (CDC)	
19	29/2020/HĐTC/BN-ĐP	23/7/2020	Thi công hàng rào giai đoạn 1	Công ty TNHH Thương mại tổng hợp Đăng Phát	
	01-PL/29/2020/HĐTC/BN-ĐP	23/7/2020			
	02-PL/29/2020/HĐTC/BN-ĐP	23/7/2020			
	03-PL/29/2020/HĐTC/BN-ĐP	22/09/2020			
	04-PL/29/2020/HĐTC/BN-ĐP	01/12/2020			
	05-PL/29/2020/HĐTC/BN-ĐP	31/12/2020			
20	86/2020/HĐTC/BN-VINA A1	21/12/2020	Thi công công trình Hạ tầng kỹ thuật	Cty CP đầu tư xây dựng và phát triển công nghệ VINA A1	
21	89/2021/HĐTC/BN-MT PL01	04/01/2021 03/04/2021	Thi công Biển quảng cáo	Công ty TNHH Quảng cáo Mỹ Thành	
22	2809/2020/BN-NH	28/09/2020	Thiết kế pano hàng rào	Công ty TNHH TMDV và Quảng cáo Nam Hải	
23	24/2020/HĐTC/BN-XLĐ1	16/07/2020	Thi công đường dẫn điện tạm	Công ty TNHH Xây lắp điện số 1 Quảng Bình	
24	21-0720/HĐMB/PV-BN	16/07/2020	Mua sắm container văn phòng tạm	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phúc Vận	
25	18/2021/HĐBV/BN-ĐT	05/02/2021	Bảo vệ dự án	Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ Đức Tâm QB	
26	12/2020/BN-RPBM	15/06/2020	Thi công rà phá bom mìn, vật nổ	Lữ đoàn 299 / Bộ tư lệnh quân đoàn 1	
27	696/2020/HĐLĐ	03/07/2020	Lắp đặt hệ thống cấp nước	Cty CP cấp nước Quảng Bình	
28	03/2021/HDDVTV/BN-VIE	03/07/2020	Dịch vụ tư vấn lựa chọn đơn vị quản lý vận hành khối chung cư cao tầng	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Vie	
29	63/HĐMB-QLRPH-BN	28/09/2020	Mua bán khai thác, tận dụng gỗ trên diện tích chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Ban Quản lý rừng phòng hộ Đồng Hới	
30	69/HĐMB/PT	28/09/2020	Mua xe ô tô Vinfast	Công ty CP Phúc Thành Quảng Bình	
31	42/2020/HĐKT-BN-TTQH	22/05/2021	Điều tra, khảo sát hiện trạng và điều chỉnh mục đích sử dụng đất rừng và đất lâm nghiệp	TT Quy hoạch Thiết kế Nông lâm thủy sản Quảng Bình	
<b>B</b>	<b>CÁC HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA - DỊCH VỤ</b>				
32	3101085414/FPT-IS-CA	08/05/2020	Cung cấp chữ ký số	Công ty TNHH Tư vấn Thương mại Khánh Linh	
33	05/HĐKT/GT-BN	21/05/2021	Mua xe máy	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Gianh Thủy	

10/10/2021 13



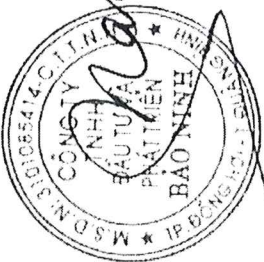
STT	Số	Ngày	Nội dung Hợp đồng	Nhà thầu - Khách hàng	Ghi chú
34	20/2020/HĐKT	21/05/2021	Mua Điều hòa	Công ty TNHH Điện tử TMTH Khánh Hà	
35	2005/TTV-HL	20/05/2020	Mua máy tính	Công ty TNHH CP Hoàng Lê Việt Nam	
36	19/001816	.../2020	Mua bán điện ngoài sinh hoạt	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	
37	.../2020/HĐLĐ	.../2020	Lắp đặt hệ thống cấp nước	Công ty CP Cấp nước Quảng Bình	
38	.../2020/HĐ-DVCN	.../2020	Hợp đồng xử lý nước thải sinh hoạt	Công ty CP Cấp nước Quảng Bình	
39	19/2020/HĐ-KT	01/07/2020	Hợp đồng xử lý nước thải sinh hoạt	Công ty CP Môi trường và PTĐT Quảng Bình	
40	20/2020/HĐNT-BN	06/07/2020	Hợp đồng Nguyên tắc đồ thái và xử lý phế thải xây dựng	Công ty CP Môi trường và PTĐT Quảng Bình	
41	21/HĐKT/GT-BN	30/06/2020	Mua xe máy	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Gianh Thủy	
42	L1200805FA	05/08/2020	Cung cấp phần mềm kế toán	Công ty TNHH phần mềm FAST - CN Hà Nội	
43	86/HĐTM/2020	06/08/2020	Thuê máy photocopy	Công ty TNHH TM&DV Máy văn phòng Bình Minh	
44	1001/GELE-BN	11/08/2020	Hợp đồng thuê văn phòng	Tập đoàn Geleximco - Công ty CP	
45	53/2020/HĐTC/BN-ĐC	12/08/2020	Cải tạo văn phòng Công ty tại tầng 6 - 36 Hoàng Cầu	Cty Cp đầu tư phát triển bất động sản Đại Cát	
46	54/2020/HĐTC/BN-TN	01/08/2020	Cải tạo phần điện, điện nhẹ - VP Công ty tại tầng 6 tòa nhà GELEXIMCO	Cty TNHH thương mại và dịch vụ công nghiệp thống nhất	
47	71/CNTV/V-Tracking/2020	06/10/2020	Dịch vụ Vtracking	Viettel Quảng Bình	
48	117060/2020-MBDH	04/12/2020	Dịch vụ tên miền	CN Công ty CP Mắt Bão	
49	82/2020/HĐTN	01/11/2020	Thuế nhà	Bà Nguyễn Thị Lân	
50	149/2020/HĐKT-TC	28/12/2020	Kiểm toán BCTC năm 2020	Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt	
51	96/HDDV	15/11/2020	Dịch vụ dọn dẹp văn phòng	Võ Thị Thủy	
<b>C CÁC HỢP ĐỒNG LIÊN QUAN ĐẾN VAY</b>					
52	MMMD202013103307/HĐTD	22/07/2020	Hợp đồng tín dụng	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	
53	MMMD202013114217/HĐCC	03/08/2020	Hợp đồng cầm cố thế chấp (Tiền gửi có kỳ hạn)	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	
54	MMMD202013113422/HĐCC	03/08/2020	Hợp đồng cầm cố thế chấp (TK chuyển thu)	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	
55	MMMD202013113383/HĐCC	03/08/2020	Hợp đồng cầm cố thế chấp (Thế chấp Dự án)	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	
56	01/2020/HĐCV/MKG-BN	24/12/2020	Hợp đồng vay	Công ty CP Tập đoàn Nam Mê Kông	
<b>D CÁC HỢP ĐỒNG TIỀN GỬI CÓ KỶ HẠN</b>					
57	2307-01/TGKH/TCB-BAONINH/2020	23/07/2020	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	
58	2307-02/TGKH/TCB-BAONINH/2020	23/07/2020	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	
59	2307-03/TGKH/TCB-BAONINH/2020	23/07/2020	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	
60	2307-04/TGKH/TCB-BAONINH/2020	23/07/2020	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	
61	2307-05/TGKH/TCB-BAONINH/2020	23/07/2020	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	
62	2307-06/TGKH/TCB-BAONINH/2020	23/07/2020	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	
63	2307-07/TGKH/TCB-BAONINH/2020	23/07/2020	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	
64	2307-08/TGKH/TCB-BAONINH/2020	23/07/2020	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	
65	2307-09/TGKH/TCB-BAONINH/2020	23/07/2020	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	
66	2307-10/TGKH/TCB-BAONINH/2020	23/07/2020	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	
67	2307-11/TGKH/TCB-BAONINH/2020	23/07/2020	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	

437  
 TỶ  
 AN  
 AN  
 KÔNG  
 TP.H

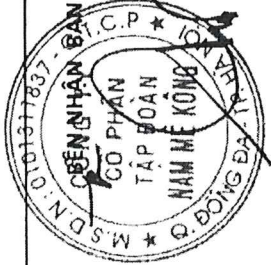
(6)  
 NAM  
 C  
 T  
 C  
 C  
 C  
 C  
 C  
 C

STT	SỐ	NGÀY	NỘI DUNG HỢP ĐỒNG	NHÀ THẦU - KHÁCH HÀNG	GHI CHÚ
68	2307-12/TGKH/TCB-BAONINH/2020	23/07/2020	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	
69	2307-13/TGKH/TCB-BAONINH/2020	23/07/2020	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	
70	2307-14/TGKH/TCB-BAONINH/2020	23/07/2020	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	
71	2307-15/TGKH/TCB-BAONINH/2020	23/07/2020	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	
72	2307-16/TGKH/TCB-BAONINH/2020	23/07/2020	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	
73	2307-17/TGKH/TCB-BAONINH/2020	23/07/2020	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	
74	2307-18/TGKH/TCB-BAONINH/2020	23/07/2020	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	
75	2307-19/TGKH/TCB-BAONINH/2020	23/07/2020	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	
76	2307-20/TGKH/TCB-BAONINH/2020	23/07/2020	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	
<b>E</b>	<b>HỢP ĐỒNG SÁP NHẬP</b>				
77	01/2021/HĐSN/MKG-BN	29/04/2021	Hợp đồng sáp nhập doanh nghiệp	Công ty CP Tập đoàn Nam Mê Kông	

BÊN BÀN GIAO



CHỦ TỊCH CÔNG TY  
*Hiền Xuân Nam*



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Đặng Minh Huệ*



## PHỤ LỤC 08: DANH SÁCH LAO ĐỘNG VÀ PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG

Tại thời điểm 06 tháng 05 năm 2021

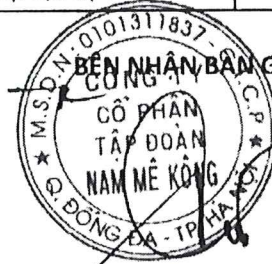
(Kèm theo Biên bản bàn giao ngày 06 tháng 05 năm 2021)

STT	HỌ VÀ TÊN	PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LĐ	GHI CHÚ
1	Trịnh Thị Thúy Quỳnh	Tiếp tục ký HĐLĐ	
2	Tạ Ngọc Kiên	Tiếp tục ký HĐLĐ	
3	Nguyễn Thị Thu Thủy	Tiếp tục ký HĐLĐ	
4	Nguyễn Thị Dương	Tiếp tục ký HĐLĐ	
5	Đậu Minh Tuấn	Tiếp tục ký HĐLĐ	
6	Trần Ngọc Chương	Tiếp tục ký HĐLĐ	
7	Cao Thái Tân	Tiếp tục ký HĐLĐ	
8	Đình Quang Huy	Tiếp tục ký HĐLĐ	
9	Nguyễn Đức Minh	Tiếp tục ký HĐLĐ	
10	Hà Quang Tuấn	Tiếp tục ký HĐLĐ	
11	Nguyễn Trung Kiên	Tiếp tục ký HĐLĐ	
12	Nguyễn Văn Hiếu	Tiếp tục ký HĐLĐ	
13	Nguyễn Văn Tới	Tiếp tục ký HĐLĐ	
14	Nguyễn Công Vũ	Tiếp tục ký HĐLĐ	
15	Phạm Văn Phụng	Tiếp tục ký HĐLĐ	
16	Phạm Văn Tình	Tiếp tục ký HĐLĐ	
17	Trần Thị Thu Hiền	Tiếp tục ký HĐLĐ	
18	Nguyễn Thị Dương	Tiếp tục ký HĐLĐ	

BÊN BÀN GIAO



CHỦ TỊCH CÔNG TY  
*Kiên Xuân Nam*



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Dặng Minh Huệ*

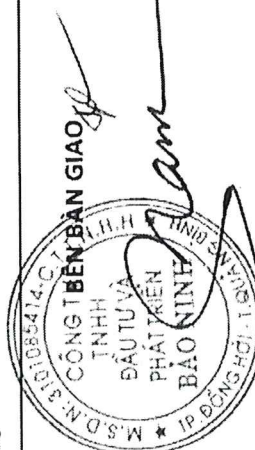


**PHỤ LỤC 09: CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ NỢ**

Tại thời điểm 06 tháng 05 năm 2021  
(Kèm theo Biên bản bàn giao ngày 06 tháng 05 năm 2021)

Đơn vị tính: VND

STT	CÔNG NỢ - ĐỐI TƯỢNG	SỐ DƯ TẠI 06/05/2021	PHƯƠNG ÁN GIẢI QUYẾT	GHI CHÚ
<b>A</b>	<b>PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN</b>	<b>1.149.961.485</b>		<b>TK331</b>
1	Công ty TNHH Quảng cáo Mỹ Thành	601.600.185	Kế thừa nghĩa vụ thanh toán	
2	Công ty CP Nội thất XLUXURY Việt Nam	56.361.300	Kế thừa nghĩa vụ thanh toán	
3	Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Đức Tâm	113.256.000	Kế thừa nghĩa vụ thanh toán	
4	Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Đăng Phát	367.494.000	Kế thừa nghĩa vụ thanh toán	
4	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản Đại Cát	11.250.000	Kế thừa nghĩa vụ thanh toán	
<b>B</b>	<b>PHẢI TRẢ KHÁC</b>	<b>32.518.920.915</b>		<b>TK3388</b>
1	BHXH, BHYT, BHTN	53.335.215	Kế thừa nghĩa vụ thanh toán	
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông	32.458.106.700	Bù trừ công nợ sau khi sắp nhập	
3	Bùi Anh Tú - Văn phòng Đại diện Hà Nội	7.479.000	Bù trừ công nợ sau khi sắp nhập	
<b>C</b>	<b>VAY</b>	<b>156.461.665.511</b>		<b>TK341</b>
1	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Hợp đồng tín dụng số MMD202013103307/HDTD)	156.461.665.511	Kế thừa các nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi	
	<b>CỘNG</b>	<b>190.130.547.911</b>		



CHỦ TỊCH CÔNG TY  
*Hiền Xuân Nam*

TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Đông Minh Huệ*



## BẢNG CÂN ĐỐI PHÁT SINH CÁC TÀI KHOẢN

TỪ NGÀY: 01-01-2021 ĐẾN NGÀY: 30-06-2021

SỐ HIỆU TK	TÊN TK	DỰ ĐẦU KỲ		PHÁT SINH		DỰ CUỐI KỲ	
		NỢ	CÓ	NỢ	CÓ	NỢ	CÓ
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>
111	Tiền mặt	254.891.410		1.857.423.700	2.094.343.480	17.971.630	
1111	Tiền Việt Nam	254.891.410		1.857.423.700	2.094.343.480	17.971.630	
112	Tiền gửi ngân hàng	7.751.431.753		4.923.598.511	12.653.947.884	21.082.380	
1121	Tiền Việt Nam	7.751.431.753		4.923.598.511	12.653.947.884	21.082.380	
11211	Techcombank - TK 66.333	7.749.477.478		4.472.581.892	12.213.295.638	8.763.732	
11212	Techcombank - TK 66.222			201.001.409	200.033.000	968.409	
11213	ABB - TK 5868	1.954.275		250.015.210	240.619.246	11.350.239	
128	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	200.000.000.000		5.141.917.800		205.141.917.800	
1281	Tiền gửi có kỳ hạn	200.000.000.000		5.141.917.800		205.141.917.800	
12812	Tiền gửi có kỳ hạn: > 3 tháng và <= 12 tháng	200.000.000.000		5.141.917.800		205.141.917.800	
133	Thuế GTGT được khấu trừ	643.360.875		4.824.865.499	3.520.000	5.464.706.374	
1331	Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	643.360.875		4.824.865.499	3.520.000	5.464.706.374	
13311	Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ trong nước	643.360.875		4.824.865.499	3.520.000	5.464.706.374	
133111	Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ trong nước: HĐ SXKD	643.360.875		4.824.865.499	3.520.000	5.464.706.374	
138	Phải thu khác	4.527.123.280		2.235.203.860	4.527.123.280	2.235.203.860	
1388	Phải thu khác	4.527.123.280		2.235.203.860	4.527.123.280	2.235.203.860	
13881	Phải thu ngắn hạn khác	4.527.123.280		2.235.203.860	4.527.123.280	2.235.203.860	
138811	Phải thu ngắn hạn khác: HĐ SXKD	4.527.123.280		2.235.203.860	4.527.123.280	2.235.203.860	
141	Tạm ứng	18.245.941		1.903.483.000	192.472.904	1.729.256.037	
1411	Tạm ứng: ngắn hạn	18.245.941		1.903.483.000	192.472.904	1.729.256.037	
154	Chi phí SXKD dở dang	165.618.151.857		54.733.684.246		220.351.836.103	
1541	Hạ tầng kỹ thuật	163.876.775.570		52.060.076.777		215.936.852.347	
15411	HTKT_Chi phí xây dựng			44.279.748.174		44.279.748.174	
15412	HTKT_Chi phí Tư vấn và Khác	3.332.387.910		1.816.184.320		5.148.572.230	
15413	HTKT_Chi phí lãi vay vốn hóa	1.423.997.797		4.509.882.283		5.933.880.080	
15414	HTKT_Chi phí quản lý Dự án	179.107.273		1.454.262.000		1.633.369.273	
15417	HTKT_Tiền đất và CP GPMB	158.941.282.590				158.941.282.590	
1542	Khu thấp tầng	424.343.560		133.097.903		557.441.463	
15422	TT_CP Tư vấn và CP Khác	410.980.909		119.553.000		530.533.909	
15423	TT_CP lãi vay vốn hóa	13.362.651		13.544.903		26.907.554	



SỐ HIỆU TK	TÊN TK	DỰ ĐẦU KỲ		PHÁT SINH		DỰ CUỐI KỲ	
		NỢ	CÓ	NỢ	CÓ	NỢ	CÓ
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>
1543	Hỗ trợ cao tầng	1.036.560.000		1.035.149.091		2.071.709.091	
15432	HH_CP Tư vấn và Khác	1.036.560.000		1.035.149.091		2.071.709.091	
1544	Thương mại Dịch vụ	237.272.727				237.272.727	
15442	TMDV_Chi phí Tư vấn và Khác	237.272.727				237.272.727	
1546	Chi phí bán hàng	43.200.000		1.505.360.475		1.548.560.475	
15461	CPBH_HTKT	43.200.000		1.505.360.475		1.548.560.475	
211	Tài sản cố định hữu hình	1.146.544.909				1.146.544.909	
2113	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.114.181.273				1.114.181.273	
2114	Thiết bị, dụng cụ quản lý	32.363.636				32.363.636	
214	Hao mòn tài sản cố định		96.444.397	0	127.393.876		223.838.273
2141	Hao mòn TSCĐ hữu hình		96.444.397	0	127.393.876		223.838.273
21413	Hao mòn phương tiện vận tải		92.848.437	0	123.797.916		216.646.353
21414	Hao mòn dụng cụ, thiết bị quản lý		3.595.960	0	3.595.960		7.191.920
242	Chi phí trả trước	104.501.511				80.673.227	
2422	Chi phí trả trước dài hạn	104.501.511				80.673.227	
24222	Chi phí trả trước dài hạn: công cụ, dụng cụ xuất dùng	104.501.511				80.673.227	
244	Cảm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	21.000.000				21.000.000	
2442	Cảm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược: dài hạn	21.000.000				21.000.000	
331	Phải trả cho người bán	51.568.763.786	110.039.134	26.107.770.855	53.141.008.983	26.117.448.009	1.691.961.485
3311	Phải trả nhà thầu_Thi công	51.316.556.400		1.264.173.000	50.122.111.991	2.826.111.409	367.494.000
33111	Phải trả nhà thầu người bán_Thi công HTKT	51.316.556.400		986.173.000	50.122.111.991	2.548.111.409	367.494.000
33112	Phải trả nhà thầu_Thi công Khu thấp tầng			278.000.000		278.000.000	
3312	Phải trả nhà thầu_ Tư vấn	226.189.386		1.606.814.170	1.842.106.256	589.258.600	598.361.300
33121	Phải trả nhà thầu_ Tư vấn_HTKT	226.189.386		382.343.170	921.933.956	228.598.600	542.000.000
33123	Phải trả nhà thầu_ Tư vấn_Khu HHCT			1.149.324.000	788.664.000	360.660.000	
33124	Phải trả nhà thầu_ Tư vấn_Khu TMDV			75.147.000	131.508.300		56.361.300
3313	Phải trả người bán_Hàng hóa, dịch vụ khác	26.018.000	110.039.134	23.236.783.685	1.176.790.736	22.702.078.000	726.106.185
333	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		45.224.863	77.465.000	311.224.562		278.984.425
3334	Thuế thu nhập doanh nghiệp		10.264.863	0	247.981.562		258.246.425
3335	Thuế thu nhập cá nhân		34.960.000	74.465.000	60.243.000		20.738.000
3339	Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác			3.000.000	3.000.000		
334	Phải trả người lao động		766.456.000	2.340.970.000	2.006.659.000		432.145.000
3341	Phải trả công nhân viên		766.456.000	2.340.970.000	2.006.659.000		432.145.000
335	Chi phí phải trả		232.984.799	232.984.799	1.665.142.882		1.665.142.882
3353	Chi phí phải trả_Lãi vay		232.984.799	232.984.799	1.665.142.882		1.665.142.882
338	Phải trả, phải nộp khác		31.338.106.700	3.605.322.000	4.786.136.215		32.518.920.915
3383	Bảo hiểm xã hội			44.082.265	86.376.729		42.294.464

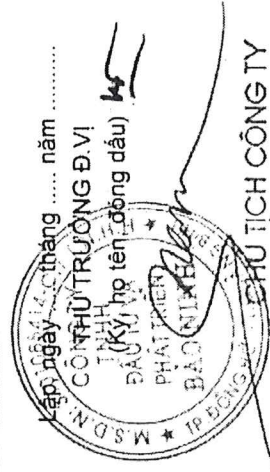
SỐ HIỆU TK	TÊN TK	DỰ ĐẦU KỲ		PHÁT SINH		DỰ CUỐI KỲ	
		NỢ	CÓ	NỢ	CÓ	NỢ	CÓ
A	B	1	2	3	4	5	6
3384	Bảo hiểm y tế			7.781.355	15.504.893		7.723.538
3386	Bảo hiểm thất nghiệp			3.458.380	6.775.593		3.317.213
3388	Phải trả, phải nộp khác		31.338.106.700	3.550.000.000	4.677.479.000		32.465.585.700
3388A	Khác		31.338.106.700	3.550.000.000	4.677.479.000		32.465.585.700
341	Vay và nợ thuê tài chính		131.001.703.841	0	25.459.961.670		156.461.665.511
3411	Vay		131.001.703.841	0	25.459.961.670		156.461.665.511
34112	Vay dài hạn		131.001.703.841	0	25.459.961.670		156.461.665.511
341121	Vay DH Techcombank		131.001.703.841	0	25.459.961.670		156.461.665.511
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		268.000.000.000				268.000.000.000
4111	Vốn góp của chủ sở hữu		268.000.000.000				268.000.000.000
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		63.055.588	997.584.749	1.989.510.999		1.054.981.838
4211	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước		63.055.588				63.055.588
4212	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay			997.584.749	1.989.510.999		991.926.250
515	Doanh thu hoạt động tài chính			2.852.596.891	2.852.596.891		
5151	Lãi tiền cho vay, tiền gửi			2.852.596.891	2.852.596.891		
635	Chi phí tài chính			126.718.176	126.718.176		
6352	Chi phí lãi vay			126.718.176	126.718.176		
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp		1.485.970.903	1.485.970.903	1.485.970.903		
6421	Chi phí nhân viên quản lý		825.854.215	825.854.215	825.854.215		
6423	Chi phí đồ dùng văn phòng		38.355.556	38.355.556	38.355.556		
6424	Chi phí khấu hao TSCĐ		127.393.876	127.393.876	127.393.876		
6425	Thuế, phí và lệ phí		3.000.000	3.000.000	3.000.000		
6427	Chi phí dịch vụ mua ngoài		238.568.954	238.568.954	238.568.954		
6428	Chi phí bằng tiền khác		252.798.302	252.798.302	252.798.302		
821	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		247.981.562	247.981.562	247.981.562		
8211	Chi phí thuế TNDN hiện hành		247.981.562	247.981.562	247.981.562		
911	Xác định kết quả kinh doanh		3.850.181.640	3.850.181.640	3.850.181.640		

NGƯỜI LẬP BIỂU  
(Ký, họ tên)

Phan Tậ Thanh Huyền

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)



CHỦ TỊCH CÔNG TY  
Hiệu Quân Nam



**MEKONG GROUP**  
Think your way

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

### BÁO CÁO

**Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn hiện hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn hiện hành;
- Căn cứ Báo cáo tình hình sử dụng vốn góp của chủ sở hữu đến thời điểm 31 tháng 01 năm 2022 đối với phần vốn góp tăng từ đợt phát hành 28.379.461 cổ phiếu đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông (“Công ty”) báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tình hình sử dụng vốn góp của chủ sở hữu từ đợt phát hành 28.379.461 cổ phiếu đến thời điểm 31/01/2022 và dự kiến sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng còn lại chưa sử dụng trong thời gian tới như sau:

#### **I. Về tình hình sử dụng vốn góp của chủ sở hữu từ đợt phát hành 28.379.461 cổ phiếu đến thời điểm 31 tháng 01 năm 2022**

Ngày 03/03/2022, Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt đã ban hành Báo cáo kiểm toán độc lập số 52/2022/BCKT-AASCN về Báo cáo tình hình sử dụng vốn góp của chủ sở hữu đến thời điểm 31 tháng 01 năm 2022 đối với phần vốn góp tăng từ đợt phát hành 28.379.461 cổ phiếu của Công ty. Báo cáo này đã được Ban kiểm soát Công ty kiểm tra và được Hội đồng Quản trị Công ty công bố thông tin theo quy định của pháp luật, đồng thời được đăng tải trên website: <http://www.nammekong.net> mục Quan hệ cổ đông, bao gồm:

- Báo cáo Kiểm toán độc lập
- Báo cáo tình hình sử dụng vốn góp của chủ sở hữu đến thời điểm 31 tháng 01 năm 2022 đối với phần vốn góp tăng từ đợt phát hành 28.379.461 cổ phiếu

#### **1. Chứng khoán đã phát hành:**

- Tên chứng khoán : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông  
(Trước đây là Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng số 3)
- Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)
- Số lượng đã phát hành : 28.379.461 cổ phiếu
- Tổng số tiền đã huy động : 285.575.176.000 đồng
- Ngày kết thúc đợt chào bán : 15/01/2020.

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MEKONG**

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: 024.37560333 | Fax: 024.37560332 | Email: info@nammekong.net | Website: www.nammekong.net

2. Tiến độ và mục đích sử dụng vốn theo Kế hoạch đã công bố:

a. Kế hoạch theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 25/04/2019:

Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	Số tiền dự kiến sử dụng	Tỷ lệ trên tổng số tiền thu được	Thời gian sử dụng
Đầu tư Dự án "Khu biệt thự nhà vườn Vinaconex 6 - Đại Lải"	285.575.176.000	100%	Đến Quý 4/2020

b. Kế hoạch theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 30/2020/NQ - ĐHĐCĐ ngày 03/06/2020:

Thay đổi phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng từ "Đầu tư dự án Khu biệt thự nhà vườn Vinaconex 6 – Đại Lải" sang "Đầu tư Dự án "Khu đô thị Bảo Ninh 2" và bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh". Kế hoạch cụ thể như sau:

Stt	Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	Số tiền dự kiến sử dụng	Tỷ lệ trên tổng số tiền thu được	Thời gian sử dụng
1	Đã sử dụng đầu tư Dự án "Khu biệt thự nhà vườn Vinaconex 6 - Đại Lải"	3.912.658.860	1,37%	Từ thời điểm phát hành thành công đến thời điểm thay đổi phương án sử dụng (03/06/2020)
2	Đầu tư Dự án "Khu đô thị Bảo Ninh 2" và bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh	281.662.517.140	98,63%	
	<i>Trong đó dự kiến:</i>			
-	Đầu tư Dự án "Khu đô thị Bảo Ninh 2"	220.000.000.000	77,04%	Từ 04/6/2020 đến quý 4/2023
-	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh	61.662.517.140	21,59%	Từ 04/06/2020 đến khi sử dụng hết số tiền thu từ phát hành tăng thêm
	<b>Cộng</b>	<b>285.575.176.000</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MEKONG**

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội  
 Điện thoại: 024.37560333 | Fax: 024.37560332 | Email: info@nammekong.net | Website: www.nammekong.net

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MEKONG

3. Tình hình sử dụng vốn đến thời điểm 31/01/2022:

a. Tình hình sử dụng vốn đã được kiểm toán:

Stt	Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng	Số tiền đã sử dụng	Thời gian thực hiện
1	Đầu tư Dự án "Khu biệt thự nhà vườn Vinaconex 6 - Đại Lải"	3.912.658.860	Đã thực hiện đến 03/06/2020
2	Đầu tư Dự án "Khu đô thị Bảo Ninh 2"	141.453.770.549	Đến 31/01/2022
3	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh	58.312.039.354	Đến 31/01/2022
4	Số tiền thu từ đợt phát hành chưa sử dụng dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn ngân hàng tại thời điểm 31/01/2022	81.896.707.237	Tại 31/01/2022
	<b>Tổng cộng</b>	<b>285.575.176.000</b>	

b. Tình hình sử dụng vốn so với kế hoạch đã công bố theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020:

Stt	Mục đích sử dụng	Số tiền dự kiến sử dụng	Số tiền đã sử dụng	Số tiền chưa sử dụng
1	Đầu tư Dự án "Khu biệt thự nhà vườn Vinaconex 6 - Đại Lải"	3.912.658.860	3.912.658.860	-
2	Đầu tư Dự án "Khu đô thị Bảo Ninh 2"	220.000.000.000	141.453.770.549	78.546.229.451
	Trong đó:			
-	<i>Tạm nộp tiền sử dụng đất</i>		80.000.000.000	
-	<i>Thanh toán các hợp đồng thi công thuộc hạng mục hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan, ... và các hợp đồng tư vấn, ...</i>		61.453.770.549	
3	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh	61.662.517.140	58.312.039.354	3.350.477.786
	<b>Tổng cộng</b>	<b>285.575.176.000</b>	<b>203.678.468.763</b>	<b>81.896.707.237</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MEKONG**

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội  
 Điện thoại: 024.37560333 | Fax: 024.37560332 | Email: info@nammekong.net | Website: www.nammekong.net

03/...  
 TỶ...  
 AN...  
 ĐÀN...  
 KINH...  
 TP...

3178  
 NG 1  
 PHẢ  
 P ĐỒI  
 MẾ K  
 ĐA

II. Về dự kiến sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng còn lại chưa sử dụng trong thời gian tới:

Stt	Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng	Số tiền dự kiến sử dụng	Thời gian thực hiện
1	Đầu tư cho Dự án "Khu đô thị Bảo Ninh 2"	78.546.229.451	
	Trong đó:		
-	Nộp tiền sử dụng đất	78.000.000.000	Đến 30/6/2022
-	Thanh toán các hợp đồng thi công thuộc hạng mục hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan, ...	546.229.451	Đến 30/6/2022
2	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh	3.350.477.786	Đến 30/6/2022
	<b>Tổng cộng</b>	<b>81.896.707.237</b>	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua!

**Nơi nhận:**

- ĐHCĐ thường niên năm 2022;
- Lưu hồ sơ ĐH

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2022

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Kiều Xuân Nam



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MEKONG**

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội  
 Điện thoại: 024.37560333 | Fax: 024.37560332 | Email: info@nammekong.net | Website: www.nammekong.net



**BIÊN BẢN HỌP**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG**

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG**  
Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội  
Mã số doanh nghiệp: 0101311837 do Sở Kế hoạch và Đầu tư T.p Hà Nội cấp lần đầu ngày 17/09/2002, thay đổi lần thứ 23 ngày 01/09/2021  
Địa điểm Đại hội: Hội trường tầng 4, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
Thời gian Đại hội: Bắt đầu lúc 8h 00 phút ngày 14/04/2022  
Chương trình và nội dung Đại hội: Theo Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 đã được ĐHĐCĐ thông qua (đính kèm Biên bản này)  
Chủ tọa Đại hội: Ông Kiều Xuân Nam - Chủ tịch HĐQT  
Thư ký: Bà Nguyễn Thị Thu Nga - Trưởng ban Thư ký

**I. DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI:**

**1. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông và công bố điều kiện tiến hành Đại hội:**

Ông Hà Ngọc Tuyển thay mặt Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo Kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội:

- Tổng số cổ đông của Công ty được mời (theo danh sách cổ đông chốt ngày 15/3/2022) là 1.213 cổ đông, sở hữu 66.811.848 cổ phần có quyền biểu quyết;
- Tính đến thời điểm 08 giờ 30 phút ngày 14/04/2022, tổng số cổ đông tham dự Đại hội là 69 cổ đông (bao gồm cả cổ đông tham dự trực tiếp và đại diện tham dự thông qua ủy quyền), sở hữu 62.694.449 cổ phần, chiếm 93,84 % số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán hiện hành và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông đã đủ điều kiện tiến hành.

**2. Thủ tục khai mạc Đại hội**

Ông Kiều Xuân Phan thay mặt Ban Tổ chức Đại hội tuyên bố khai mạc và giới thiệu thành phần tham dự Đại hội gồm: Các quý vị Cổ đông, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Lãnh đạo Công ty và các khách mời.

**2.1. Thông qua Đoàn Chủ tọa, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu:** 100% cổ đông có quyền biểu quyết tham dự Đại hội đã biểu quyết thông qua danh sách thành viên Đoàn Chủ tọa, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu như sau:

**➤ Đoàn Chủ tọa gồm các thành viên:**

- Ông: Kiều Xuân Nam - Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa
- Ông: Đặng Minh Huệ - Thành viên
- Ông: Phạm Xuân Ưởng - Thành viên



➤ **Ban Thư ký:** Chủ tọa Đại hội chỉ định Ban Thư ký gồm các thành viên sau đây:

- Bà: Nguyễn Thị Thu Nga - Trưởng ban Thư ký
- Bà: Luyện Ngọc Linh - Thành viên

➤ **Ban Kiểm phiếu gồm các thành viên sau:**

- Bà: Phan Tạ Thanh Huyền - Trưởng ban Kiểm phiếu
- Bà: Đào Thị Thúy Nga - Thành viên
- Ông: Bùi Thanh Đông - Thành viên
- Ông: Nguyễn Đức Cảnh - Thành viên
- Ông: Hà Ngọc Tuyền - Thành viên

**3. Nội dung chương trình Đại hội:**

**3.1. Thông qua Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc và biểu quyết, Quy chế bầu cử tại Đại hội:**

3.1.1 Chương trình Đại hội được thông qua với kết quả biểu quyết như sau:

<b>Tổng số phiếu biểu quyết:</b>	<b>62.694.449</b>	<b>phiếu;</b>	
<i>Trong đó:</i>			
- Số phiếu biểu quyết hợp lệ:	62.694.449	phiếu;	Tỷ lệ: 100%
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ:	0	phiếu;	Tỷ lệ: 0%
<b>Kết quả biểu quyết:</b>			
- Tổng số phiếu tán thành:	62.694.449	phiếu;	Tỷ lệ: 100%
- Tổng số phiếu không tán thành:	0	phiếu;	Tỷ lệ: 0%
- Tổng số phiếu không có ý kiến:	0	phiếu;	Tỷ lệ: 0%

3.1.2 Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội được thông qua với kết quả biểu quyết như sau:

<b>Tổng số phiếu biểu quyết:</b>	<b>62.694.449</b>	<b>phiếu;</b>	
<i>Trong đó:</i>			
- Số phiếu biểu quyết hợp lệ:	62.694.449	phiếu;	Tỷ lệ: 100%
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ:	0	phiếu;	Tỷ lệ: 0%
<b>Kết quả biểu quyết:</b>			
- Tổng số phiếu tán thành:	62.694.449	phiếu;	Tỷ lệ: 100%
- Tổng số phiếu không tán thành:	0	phiếu;	Tỷ lệ: 0%
- Tổng số phiếu không có ý kiến:	0	phiếu;	Tỷ lệ: 0%

3.1.3 Quy chế bầu cử tại Đại hội được thông qua với kết quả biểu quyết như sau:

<b>Tổng số phiếu biểu quyết:</b>	<b>62.694.449</b>	<b>phiếu;</b>	
<i>Trong đó:</i>			
- Số phiếu biểu quyết hợp lệ:	62.694.449	phiếu;	Tỷ lệ: 100%
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ:	0	phiếu;	Tỷ lệ: 0%
<b>Kết quả biểu quyết:</b>			
- Tổng số phiếu tán thành:	62.694.449	phiếu;	Tỷ lệ: 100%
- Tổng số phiếu không tán thành:	0	phiếu;	Tỷ lệ: 0%
- Tổng số phiếu không có ý kiến:	0	phiếu;	Tỷ lệ: 0%

### **3.2. Nội dung các Báo cáo, Tờ trình được trình bày tại Đại hội:**

**3.2.1 Ông Kiều Xuân Nam - Chủ tịch HĐQT:** trình bày Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022.

**3.2.2 Ông Đặng Minh Huệ - Tổng Giám đốc:** trình bày Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Tổng Giám đốc năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022.

**3.2.3 Ông Bùi Hoàng Phương - Trưởng Ban Kiểm soát** trình bày các nội dung sau:

- ✓ Báo cáo của Ban kiểm soát;
- ✓ Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán;
- ✓ Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021;
- ✓ Tờ trình Kế hoạch kinh doanh năm 2022.

**3.2.4 Bà Phan Tạ Thanh Huyền - Kế toán trưởng** trình bày các nội dung sau:

- ✓ Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2021;
- ✓ Báo cáo kết quả sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng;
- ✓ Báo cáo tình hình chi trả thù lao năm 2021 cho HĐQT và BKS;
- ✓ Tờ trình phương án chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2022;
- ✓ Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán cho năm tài chính 2022;
- ✓ Tờ trình phương án phát hành trái phiếu.

**3.2.5 Ông Phạm Xuân Ừng - Thay mặt Đoàn Chủ tọa** trình bày các nội dung sau:

- ✓ Tờ trình Thông qua ủy quyền cho HĐQT tiếp tục triển khai các dự án Công ty đang thực hiện và phê duyệt đầu tư hoặc hợp tác kinh doanh đầu tư mới các dự án phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật;
- ✓ Tờ trình ủy quyền cho HĐQT quyết định một số nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ;
- ✓ Tờ trình thông qua việc sử dụng tài sản của Công ty làm tài sản đảm bảo cho Bên thứ ba vay vốn Ngân hàng.

Đồng thời để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, tại thời điểm diễn ra Đại hội, Ông Phạm Xuân Ừng đã trình Đại hội thông qua các nội dung bổ sung sau đây:

- ✓ Tờ trình thông qua kế hoạch đầu tư Dự án "Tổ hợp thương mại dịch vụ và nhà ở Đồng Hới tại đường Hữu Nghị, Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình";
- ✓ Tờ trình thông qua điều chỉnh Tổng mức đầu tư dự kiến của Dự án "Khu đô thị Bảo Ninh 2".

**3.2.6 Bà Phan Tạ Thanh Huyền - Trưởng ban Kiểm phiếu** trình bày nội dung: Tờ trình về việc đề cử ứng viên để bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2022 – 2027.

### **4. Các cổ đông dự họp tham gia thảo luận**

Tại cuộc họp, các Cổ đông tham dự họp đã tập trung lắng nghe và nhất trí với các nội dung đã trình bày trong Đại hội và không có Cổ đông nào có thêm ý kiến thảo luận.

## II. CÁC VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI (BẢNG HÌNH THỨC GIƠ THẺ BIỂU QUYẾT)

Tính đến thời điểm thực hiện biểu quyết các nội dung được trình bày trong Đại hội, số cổ đông tham dự là 69 cổ đông (bao gồm cả cổ đông tham dự trực tiếp và đại diện tham dự thông qua ủy quyền) sở hữu: **62.694.449** cổ phần, chiếm **93,84 %** số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Kết quả biểu quyết xin ý kiến tại Đại hội như sau:

❖ **Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng nội dung: 62.694.449 phiếu.**

Trong đó:

- ✓ Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ đối với từng nội dung: **62.694.449** phiếu, chiếm **100%** tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội;
- ✓ Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ đối với từng nội dung: **0** phiếu, chiếm **0%** tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội.

❖ **Kết quả biểu quyết:**

Stt	Nội dung biểu quyết	Tán thành		Không tán thành		Không có ý kiến	
		Số CP biểu quyết	Tỷ lệ %	Số CP biểu quyết	Tỷ lệ %	Số CP biểu quyết	Tỷ lệ %
1	Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022	62.694.449	100	0	0	0	0
2	Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Tổng Giám đốc năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022	62.694.449	100	0	0	0	0
3	Báo cáo của Ban Kiểm soát	62.694.449	100	0	0	0	0
4	Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán	62.694.449	100	0	0	0	0
5	Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021	62.694.449	100	0	0	0	0
6	Tờ trình Kế hoạch kinh doanh năm 2022	62.694.449	100	0	0	0	0
7	Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2021	62.694.449	100	0	0	0	0
8	Báo cáo kết quả sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng	62.694.449	100	0	0	0	0
9	Báo cáo việc chi trả thù lao năm 2021 cho HĐQT và BKS	62.694.449	100	0	0	0	0
10	Tờ trình phương án chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2022	62.694.449	100	0	0	0	0

Stt	Nội dung biểu quyết	Tán thành		Không tán thành		Không có ý kiến	
		Số CP biểu quyết	Tỷ lệ %	Số CP biểu quyết	Tỷ lệ %	Số CP biểu quyết	Tỷ lệ %
11	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm 2022	62.694.449	100	0	0	0	0
12	Tờ trình phương án phát hành trái phiếu	62.694.449	100	0	0	0	0
13	Tờ trình ủy quyền cho HĐQT tiếp tục triển khai các dự án Công ty đang thực hiện và phê duyệt đầu tư hoặc hợp tác kinh doanh đầu tư mới các dự án phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật	62.694.449	100	0	0	0	0
14	Tờ trình Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định một số nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ	62.694.449	100	0	0	0	0
15	Tờ trình thông qua việc sử dụng tài sản của Công ty làm tài sản đảm bảo cho bên thứ ba vay vốn ngân hàng	62.694.449	100	0	0	0	0
16	Tờ trình thông qua kế hoạch đầu tư Dự án "Tổ hợp thương mại dịch vụ và nhà ở Đồng Hới tại đường Hữu Nghị, Thành phố Đồng Hới"	62.694.449	100	0	0	0	0
17	Tờ trình thông qua điều chỉnh Tổng mức đầu tư dự kiến của Dự án "Khu đô thị Bảo Ninh 2"	62.694.449	100	0	0	0	0
18	Tờ trình về việc đề cử ứng viên để bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2022 - 2027	62.694.449	100	0	0	0	0

### III. BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2022 - 2027

#### 1. Đại diện Ban Kiểm phiếu tiến hành hướng dẫn Đại hội thực hiện thủ tục bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát

Ban kiểm phiếu đọc Danh sách ứng viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 - 2027 đã được công bố thông tin theo quy định và trình bày trong tài liệu của Cổ đông.

Ban kiểm phiếu đọc Danh sách ứng viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022 - 2027 đã được Công bố thông tin theo quy định và trình bày trong tài liệu của Cổ đông.



**2. Tiến hành bỏ phiếu và kết quả bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên ban Kiểm soát**

**2.1. Kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 - 2027:**

Sau khi hoàn tất công tác kiểm phiếu, Bà Phan Tạ Thanh Huyền - Trưởng Ban kiểm phiếu - thay mặt Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 - 2027 như sau:

Số phiếu phát ra: 69 phiếu, tương ứng với: 313.472.245 quyền biểu quyết  
Số phiếu thu về: 69 phiếu, tương ứng với: 313.472.245 quyền biểu quyết

Trong đó:

Số phiếu hợp lệ: 69 phiếu, tương ứng với: 313.472.245 quyền biểu quyết  
Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương ứng với: 0 quyền biểu quyết  
Số phiếu trắng: 0 phiếu, tương ứng với: 0 quyền biểu quyết

**Kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 - 2027:**

Stt	Danh sách ứng viên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ (%)
1	Kiều Xuân Nam	62.694.449	100
2	Đặng Minh Huệ	62.694.449	100
3	Phạm Xuân Ưởng	62.694.449	100
4	Nguyễn Hoàng	62.694.449	100
5	Phí Anh Dũng	62.694.449	100

Đối chiếu Quy chế bầu cử, các ứng viên có tên trên đã trúng cử thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông nhiệm kỳ 2022 - 2027.

**2.2. Kết quả bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 - 2027:**

Sau khi hoàn tất kiểm phiếu, Bà Phan Tạ Thanh Huyền - Trưởng Ban kiểm phiếu - thay mặt Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 - 2027 như sau:

Số phiếu phát ra: 69 phiếu, Tương ứng với: 188.083.347 quyền biểu quyết  
Số phiếu thu về: 69 phiếu, Tương ứng với: 188.083.347 quyền biểu quyết

Trong đó:

Số phiếu hợp lệ: 69 phiếu, Tương ứng với: 188.083.347 quyền biểu quyết  
Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, Tương ứng với: 0 quyền biểu quyết  
Số phiếu trắng: 0 phiếu, Tương ứng với: 0 quyền biểu quyết

**Kết quả bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 - 2027:**

TT	Danh sách ứng viên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ (%)
1	Bùi Hoàng Phương	62.694.449	100
2	Phạm Thị Vân	62.694.449	100
3	Nguyễn Thị Thu Nga	62.694.449	100

Đối chiếu Quy chế bầu cử, các ứng viên có tên trên đã trúng cử thành viên Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông nhiệm kỳ 2022 - 2027.

#### IV. CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC ĐẠI HỘI THÔNG QUA

Căn cứ vào kết quả biểu quyết tại Đại hội, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông đã thống nhất thông qua các nội dung sau:

Stt	Các nội dung được thông qua	Tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua (%)
1	Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022	100
2	Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Tổng Giám đốc năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022	100
3	Báo cáo của Ban Kiểm soát	100
4	Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán	100
5	Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021	100
6	Tờ trình Kế hoạch kinh doanh năm 2022	100
7	Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2021	100
8	Báo cáo kết quả sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng	100
9	Báo cáo việc chi trả thù lao năm 2021 cho HĐQT và BKS	100
10	Tờ trình phương án chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2022	100
11	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên năm 2022 và Báo cáo tài chính năm	100
12	Tờ trình phương án phát hành trái phiếu	100
13	Tờ trình ủy quyền cho HĐQT tiếp tục triển khai các dự án Công ty đang thực hiện và phê duyệt đầu tư hoặc hợp tác kinh doanh đầu tư mới các dự án phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật	100
14	Tờ trình Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định một số nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ	100
15	Tờ trình thông qua việc sử dụng tài sản của Công ty làm tài sản đảm bảo cho bên thứ ba vay vốn ngân hàng	100
16	Tờ trình thông qua kế hoạch đầu tư Dự án "Tổ hợp thương mại dịch vụ và nhà ở Đồng Hới tại đường Hữu Nghị, Thành phố Đồng Hới"	100
17	Tờ trình thông qua điều chỉnh Tổng mức đầu tư dự kiến của Dự án "Khu đô thị Bảo Ninh 2"	100
18	Tờ trình đề cử ứng viên tham gia HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022 - 2027	100

## V. THỦ TỤC BẾ MẠC ĐẠI HỘI

1. Bà Luyện Ngọc Linh thay mặt Ban Thư ký đọc Dự thảo Biên bản và Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông.

Bà Luyện Ngọc Linh xin ý kiến biểu quyết của Đại hội về việc thông qua Biên bản và Nghị quyết đã trình bày: 100% Cổ đông có quyền biểu quyết tại Đại hội đã biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông.

2. Ông Kiều Xuân Phan thay mặt Ban Tổ chức tuyên bố bế mạc Đại hội.

3. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông kết thúc vào lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày.

T/M BAN THƯ KÝ  
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thị Thu Nga

T/M ĐOÀN CHỦ TỌA  
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Kiêu Xuân Nam



**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn hiện hành;  
Căn cứ Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn hiện hành;  
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông;  
Căn cứ các Báo cáo và các Tờ trình của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông ngày 14/04/2022.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua các Báo cáo sau:

1. Báo cáo Kết quả hoạt động năm 2021 và Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo Kết quả hoạt động năm 2021 và Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban Tổng Giám đốc.
3. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2021.
4. Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán.
5. Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.
6. Báo cáo chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021.

**Điều 2.** Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021:

STT	CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ (VND)
I	LỢI NHUẬN SAU THUẾ TNDN CỦA CỔ ĐÔNG CÔNG TY MẸ	61.201.564.306
II	PHƯƠNG ÁN PHÂN CHIA LỢI NHUẬN NĂM 2021	61.201.564.306
1	Thù lao Thành viên HĐQT & BKS không kiêm nhiệm	36.000.000
2	Chi trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu (Tỷ lệ chi trả cổ tức: dự kiến 7% tính trên Vốn điều lệ tại thời điểm họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 là 668.118.480.000 đồng)	46.768.290.000
3	Lợi nhuận năm 2021 giữ lại	14.397.274.306

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MEKONG**



**Điều 3. Thông qua Kế hoạch Kinh doanh năm 2022:**

TT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2021	THỰC HIỆN NĂM 2021	KẾ HOẠCH NĂM 2022	% KẾ HOẠCH NĂM 2022 / THỰC HIỆN NĂM 2021
I	<b>Doanh thu</b>	<b>309.265</b>	<b>259.125</b>	<b>2.065.000</b>	<b>797%</b>
1	Kinh doanh bất động sản	287.312	189.971	2.030.000	1.069%
2	Kinh doanh khác	21.954	69.154	35.000	51%
II	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>75.999</b>	<b>79.256</b>	<b>835.000</b>	<b>1.054%</b>
III	<b>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ</b>	<b>62.117</b>	<b>61.202</b>	<b>668.000</b>	<b>1.091%</b>
IV	<b>Cổ tức</b>	<b>7%</b>	<b>7%</b>	<b>80%</b>	<b>1.143%</b>

**Điều 4. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2021:**

**I. Phương án phát hành**

- Tổ chức : Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông
- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông
- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phần
- Mã cổ phiếu : VC3
- Vốn điều lệ hiện hành : 668.118.480.000 đồng
- Tổng số lượng cổ phiếu : 66.811.848 cổ phiếu

*Trong đó:*

- Cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 66.811.848 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành trả cổ tức: 4.676.829 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu phát hành (tính theo mệnh giá): 46.768.290.000 đồng  
(*Bốn mươi sáu tỷ, bảy trăm sáu mươi tám triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng*)
- Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu theo phương thức thực hiện quyền
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu.
- Tỷ lệ phát hành: dự kiến 7% trên Vốn điều lệ tại thời điểm họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 tương đương 100:7 theo danh sách cổ đông tại ngày chốt để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu. Cụ thể, cổ đông sở hữu 100 cổ phần được hưởng 100 quyền nhận cổ tức, 100 quyền được nhận thêm 7 cổ phiếu mới.

Tỷ lệ phát hành: Tỷ lệ phát hành tại thời điểm chi trả cổ tức được xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ phát hành tại thời điểm chi trả cổ tức} = \frac{\text{Số lượng cổ phiếu phát hành chi trả cổ tức năm 2021}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành thực tế tại thời điểm chi trả cổ tức}}$$

- Nguồn chi trả cổ tức: Từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ theo Báo cáo cáo chính đã được kiểm toán năm 2021.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MEKONG**

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: 024 37560333 | Fax: 024.37560332 | Email: info@nammekong.net | Website: www.nammekong.net

01  
 Ô T  
 CỘ  
 TẬP  
 AM  
 /G

- Thời gian dự kiến phát hành: Trong năm 2022, ngay sau khi có sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số lượng cổ phiếu phát hành cho các cổ đông hiện hữu được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.  
*Ví dụ:* Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 253 cổ phiếu VC3 sẽ được quyền nhận thêm:  $253 \times 7 : 100 = 17,71$  cổ phiếu, làm tròn xuống 17 cổ phiếu, phần cổ phiếu lẻ là 0,71 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.
- Đăng ký chứng khoán và niêm yết bổ sung: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm trong đợt phát hành sẽ được đăng ký niêm yết bổ sung trên Sở giao dịch chứng khoán và đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, đăng ký thay đổi đăng ký kinh doanh với Sở Kế hoạch Đầu tư T.p Hà Nội ngay sau khi kết thúc đợt phát hành phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

## II. Ủy quyền

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Chủ động lựa chọn thời điểm phát hành, xây dựng và hoàn thiện hồ sơ phát hành cổ phiếu trả cổ tức nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; Quyết định sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua; xây dựng chỉnh sửa và giải trình tất cả các hồ sơ và các thủ tục liên quan đến đợt phát hành theo yêu cầu của các cơ quan quản lý có thẩm quyền (nếu có);
- Quyết định thời gian phù hợp để chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền và các mốc thời gian khác liên quan đến việc chi trả cổ tức theo đúng quy định của Pháp luật;
- Quyết định tất cả các vấn đề liên quan và triển khai thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết để hoàn tất việc phát hành;
- Ủy quyền cho HĐQT căn cứ số cổ phiếu đang lưu hành thực tế tại thời điểm chi trả cổ tức để quyết định tỷ lệ phát hành trả cổ tức. Tỷ lệ cổ tức có thể thay đổi trong trường hợp Công ty thay đổi vốn điều lệ do phát hành Cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn trong khoảng thời gian từ sau thời điểm họp ĐHĐCĐ thường niên 2022 đến trước thời điểm chi trả cổ tức.
- Ủy quyền cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc sửa đổi Khoản 3 Điều 6 "Vốn điều lệ" của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty phù hợp với kết quả phát hành; thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sau khi hoàn tất đợt phát hành.
- Thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết liên quan đến đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm.

**Điều 5.** Thông qua Phương án chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022:

- Thù lao của Thành viên HĐQT không có tên trong Bảng lương của Công ty không quá 10.000.000 đồng/người/tháng (chưa khấu trừ Thuế thu nhập cá nhân);
- Thù lao của Trưởng BKS không có tên trong Bảng lương của Công ty là 2.000.000 đồng/người/tháng (chưa khấu trừ Thuế thu nhập cá nhân);
- Thù lao của Thành viên BKS không có tên trong Bảng lương của Công ty là 1.000.000 đồng/người/tháng (chưa khấu trừ Thuế thu nhập cá nhân);
- Các Thành viên HĐQT và BKS có tên trong Bảng lương của Công ty không được nhận thù lao, chỉ được nhận Lương và Thưởng theo các quy định và quy chế nội bộ của Công ty.

### CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MEKONG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: 024.37560333 | Fax: 024.37560332 | Email: info@nammekong.net | Website: www.nammekong.net

03  
T  
N  
A  
N  
O  
N

U  
G  
PH  
DC  
JE  
A

**Điều 6.** Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm 2022.

**Điều 7.** Thông qua phương án phát hành trái phiếu.

**Điều 8.** Thông qua ủy quyền cho HĐQT tiếp tục triển khai các dự án Công ty đang thực hiện và phê duyệt đầu tư hoặc hợp tác kinh doanh đầu tư mới các dự án phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.

**Điều 9.** Thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định một số nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 10.** Thông qua việc sử dụng tài sản của Công ty làm tài sản đảm bảo cho Bên thứ ba vay vốn Ngân hàng.

**Điều 11.** Thông qua kế hoạch đầu tư Dự án "Tổ hợp thương mại dịch vụ và nhà ở Đồng Hới tại đường Hữu Nghị, thành phố Đồng Hới" - tài liệu bổ sung tại Đại hội :

1. Tên Dự án: Tổ hợp thương mại dịch vụ và nhà ở Đồng Hới tại đường Hữu Nghị, thành phố Đồng Hới.
2. Quy mô Dự án:
  - ✓ Diện tích đất quy hoạch : 58.150 m<sup>2</sup>
  - ✓ Dự kiến Tổng mức đầu tư : 800 tỷ VND (Tám trăm tỷ đồng)
3. Mục tiêu dự án: Xây dựng khu nhà ở liền kề thấp tầng và nhà chung cư cao tầng kết hợp các chức năng hỗn hợp.
4. Thời gian thực hiện Dự án dự kiến: 36 tháng.

**Điều 12.** Thông qua điều chỉnh Tổng mức đầu tư dự kiến của Dự án "Khu đô thị Bảo Ninh 2" - tài liệu bổ sung tại Đại hội :

- ✓ Tổng mức đầu tư trước điều chỉnh : 1.081.936.540.000 đồng
- ✓ Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh : 2.500.000.000.000 đồng

**Điều 13.** Thông qua kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị, theo đó, Danh sách trúng cử thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông nhiệm kỳ 2022 - 2027 gồm các thành viên sau:

- Ông: **Kiều Xuân Nam**
- Ông: **Đặng Minh Huệ**
- Ông: **Phạm Xuân Uông**
- Ông: **Nguyễn Hoàng**
- Ông: **Phí Anh Dũng**

**Điều 14.** Thông qua kết quả bầu thành viên Ban kiểm soát, theo đó, Danh sách trúng cử thành viên Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông nhiệm kỳ 2022-2027 gồm các thành viên sau:

- Ông: **Bùi Hoàng Phương**
- Bà: **Phạm Thị Vân**
- Bà: **Nguyễn Thị Thu Nga**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MEKONG**



P. 14  
JNG  
24/1/2022

**Điều 15. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông phê duyệt toàn văn tại Đại hội ngày 14/04/2022. Hội đồng quản trị căn cứ nội dung Nghị quyết này để triển khai thực hiện ./.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Lưu hồ sơ ĐH

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2022

T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

*[Handwritten signature]* CHỦ TỌA ĐẠI HỘI *[Handwritten signature]*



*[Handwritten signature]*  
Kiều Xuân Nam



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MEKONG**

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: 024.37560333 | Fax: 024.37560332 | Email: info@nammekong.net | Website: www.nammekong.net